

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 377 đường Phạm Ngũ Lão, khóm 3, phường 2,
TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

SĐT: (074) 3852391 – (074) 3853596 – (074) 3858214

Fax: (074) 3854353

Website: www.congtrinhdothitravinh.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



NĂM 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
 - Quá trình hình thành & phát triển
 - Ngành nghề & địa bàn kinh doanh
 - Mô hình quản trị & cơ cấu tổ chức
 - Định hướng phát triển
 - Các rủi ro
-

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình sản xuất kinh doanh
 - Tổ chức & nhân sự
 - Tình hình đầu tư & thực hiện dự án
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông & thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
-

03

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến của Công ty

Kế hoạch phát triển

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

04

BÁO CÁO CỦA HĐQT

Đánh giá về các mặt hoạt động

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám Đốc

Kế hoạch & định hướng

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị & cơ cấu tổ chức

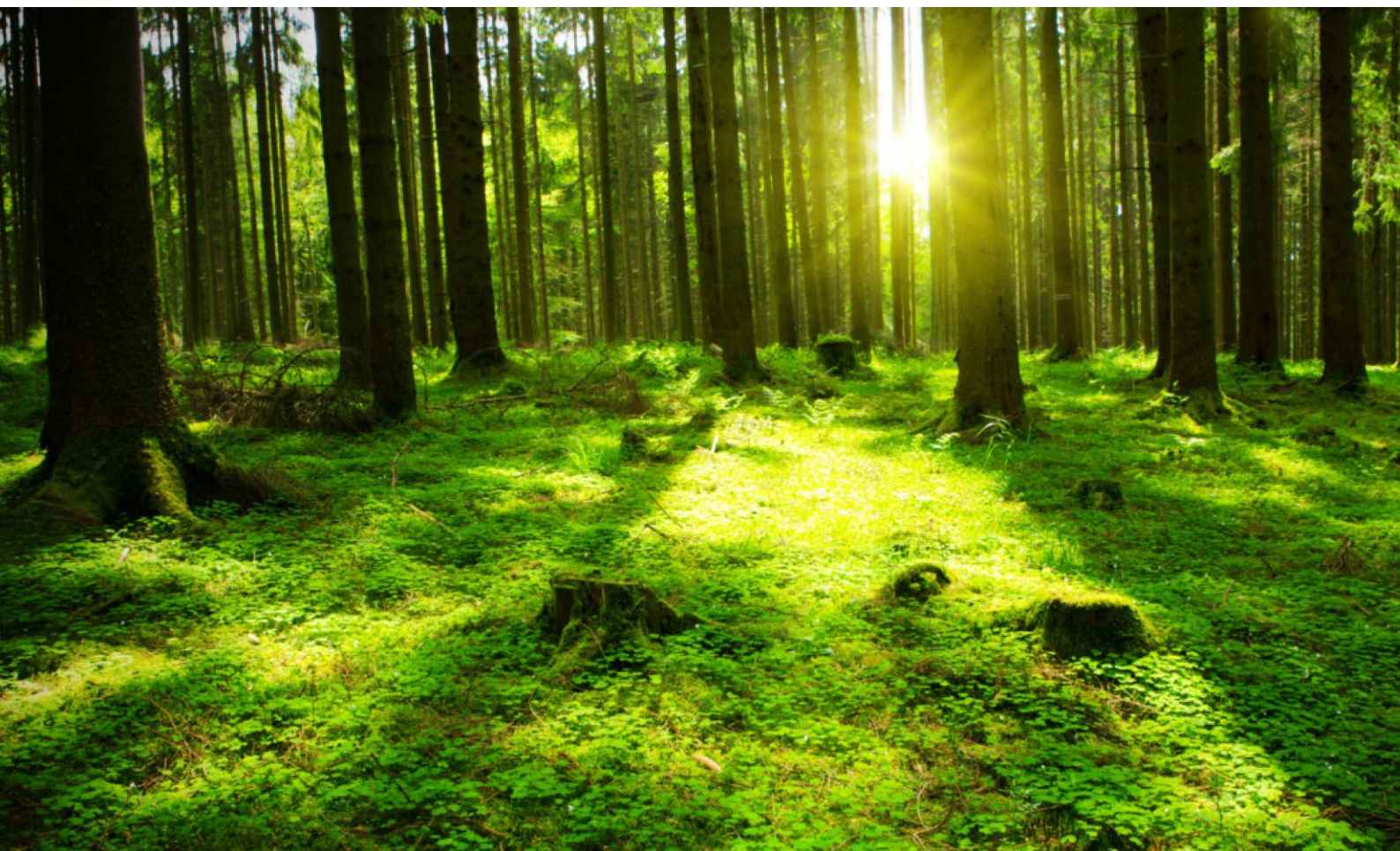
Định hướng phát triển

Các rủi ro



1. Thông tin khái quát

Tên công ty	Công ty Cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh.
Tên viết tắt	TRAVINHPCO
Vốn điều lệ	17.500.000.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.500.000.000 đồng.
Địa chỉ	số 377, đường Phạm Ngũ Lão, phường 2, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Số điện thoại	(074) 3852391 – (074) 3853596 – (074) 3858214
Số fax	(073) 3854353
Website	www.congtrinhdothitravinh.vn
Mã cổ phiếu	TVU
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 3 năm 2016.	



2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty điều chỉnh
tên thành Công ty
Công trình Đô thị
Trà Vinh theo Quyết
định số 1881/QĐ-
UBND

08/12/2006

04/12/1997

Công ty Công trình
công cộng Trà Vinh
được thành lập theo
Quyết định số
1504/QĐ-UBT ngày
04 tháng 12 năm
1997 của UBND
tỉnh Trà Vinh.

22/12/2010

Theo Quyết định số
2249/QĐ-UBND
tỉnh Trà Vinh về việc
phê duyệt đề án
chuyển đổi Công ty
Công trình Đô thị
Trà Vinh thành
Công ty TNHH một
thành viên Công
trình Đô thị Trà
Vinh, do Nhà nước
sở hữu 100% vốn
điều lệ.

Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Trà Vinh thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh.

10/11/2014

25/03/2016

18/06/2015

Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh đã tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị Trà Vinh.

30/03/2016

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh được chính thức thành lập và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 với vốn điều lệ 17.500.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom vận chuyển xử lý rác thải công nghiệp và sinh hoạt.
- Chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, hoa kiểng công viên đường phố, quét cát lề đường làm cỏ tạp vỉa hè.
- Trồng và cung ứng giống cây xanh hoa kiểng
- Lập thiết kế, dự toán các công trình công viên, tiểu đảo và trồng cây xanh, hoa kiểng đô thị.
- Các dịch vụ khác



- Vận hành hệ thống điện chiếu sáng, đèn trang trí công cộng.
- Quản lý khu nghĩa địa tập trung.
- Kinh doanh vật tư chuyên dùng cho ngành môi trường.
- Khai thác vận chuyển cát sông và san lấp mặt bằng.
- Thi công xây lắp và sửa chữa các công trình xây dựng công cộng và dân dụng.
- Sửa chữa đường giao thông đô thị.
- Dịch vụ rút hầm vệ sinh, vét mương cống – hố ga và dịch vụ mai táng.

Địa bàn kinh doanh

Cung cấp các dịch vụ công trình đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Mô hình quản trị

Khối gián tiếp

Lãnh đạo Công ty

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Phó Tổng Giám đốc

Các Phòng, Ban chức năng

- Ban nghiệm thu, đánh giá;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.

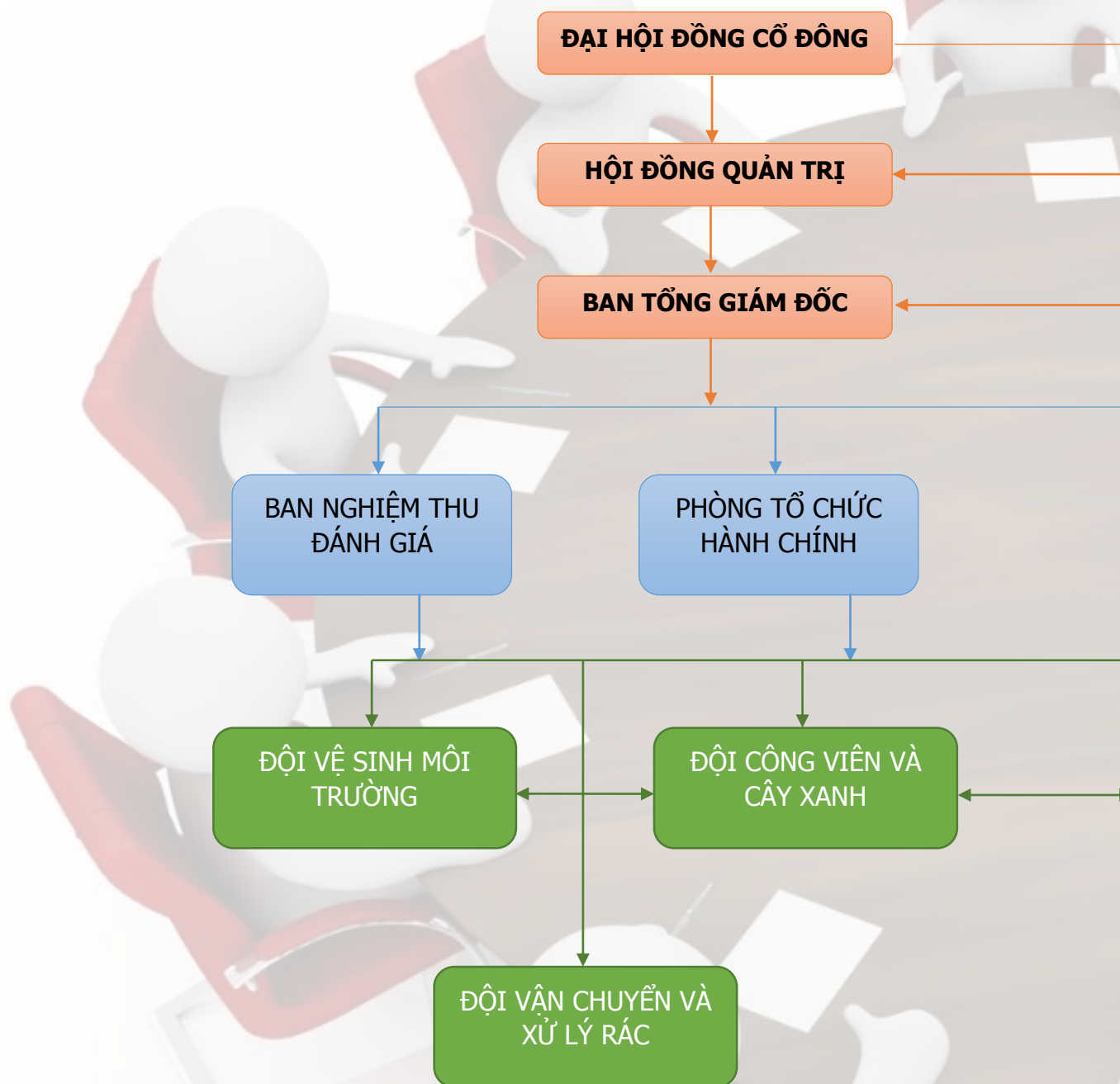
Khối trực tiếp

Các bộ phận trực thuộc

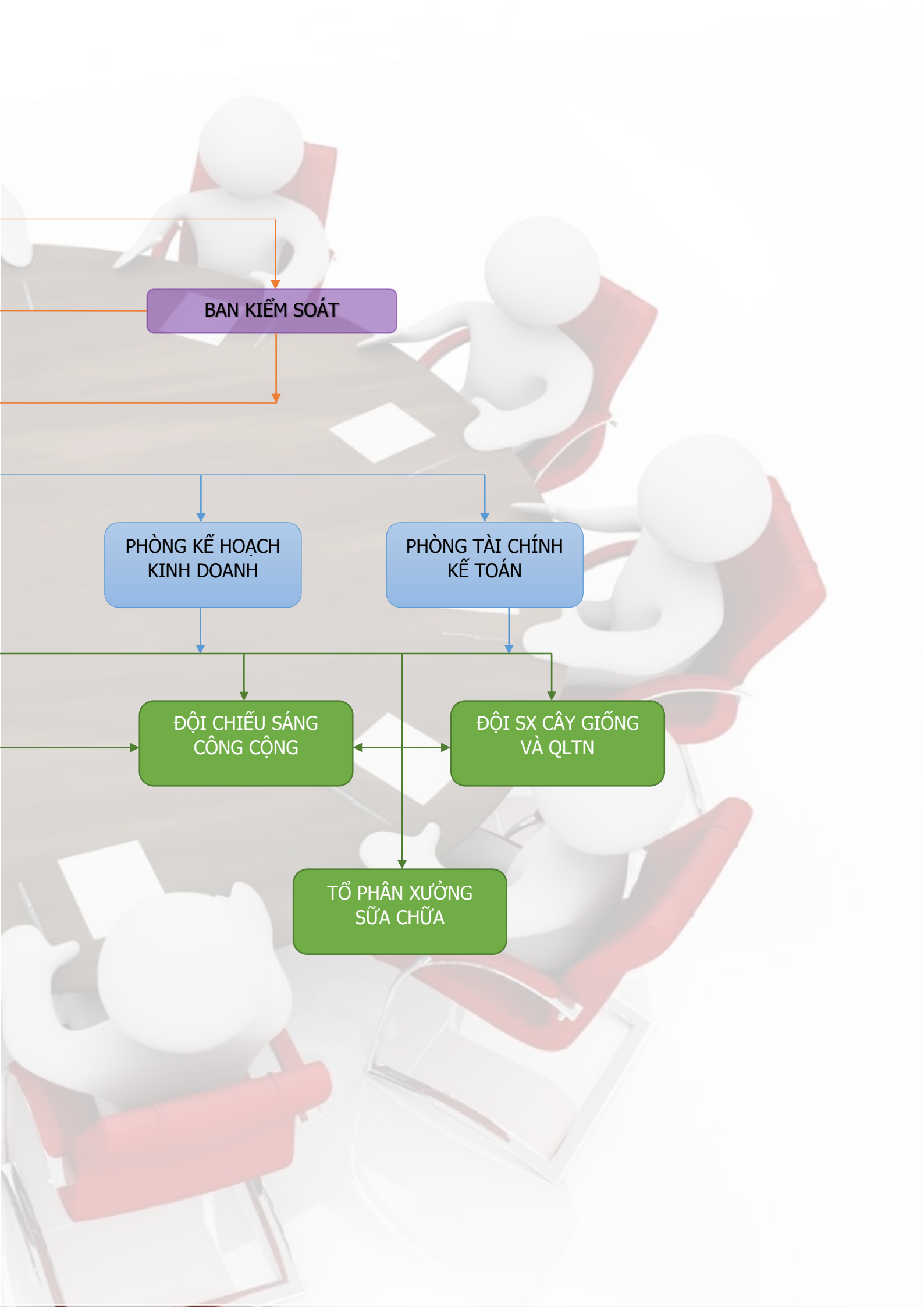
- Đội Vệ sinh môi trường
- Đội Công viên - Cây xanh
- Đội Chiếu sáng công cộng
- Đội vận chuyển và xử lý rác
- Tổ phân xưởng - Sửa chữa
- Đội sản xuất cây giống và quản lý nghĩa trang



Cơ cấu tổ chức



- Quan hệ chỉ đạo
- Quan hệ kiểm soát
- ↔ Quan hệ phối hợp



BAN KIỂM SOÁT

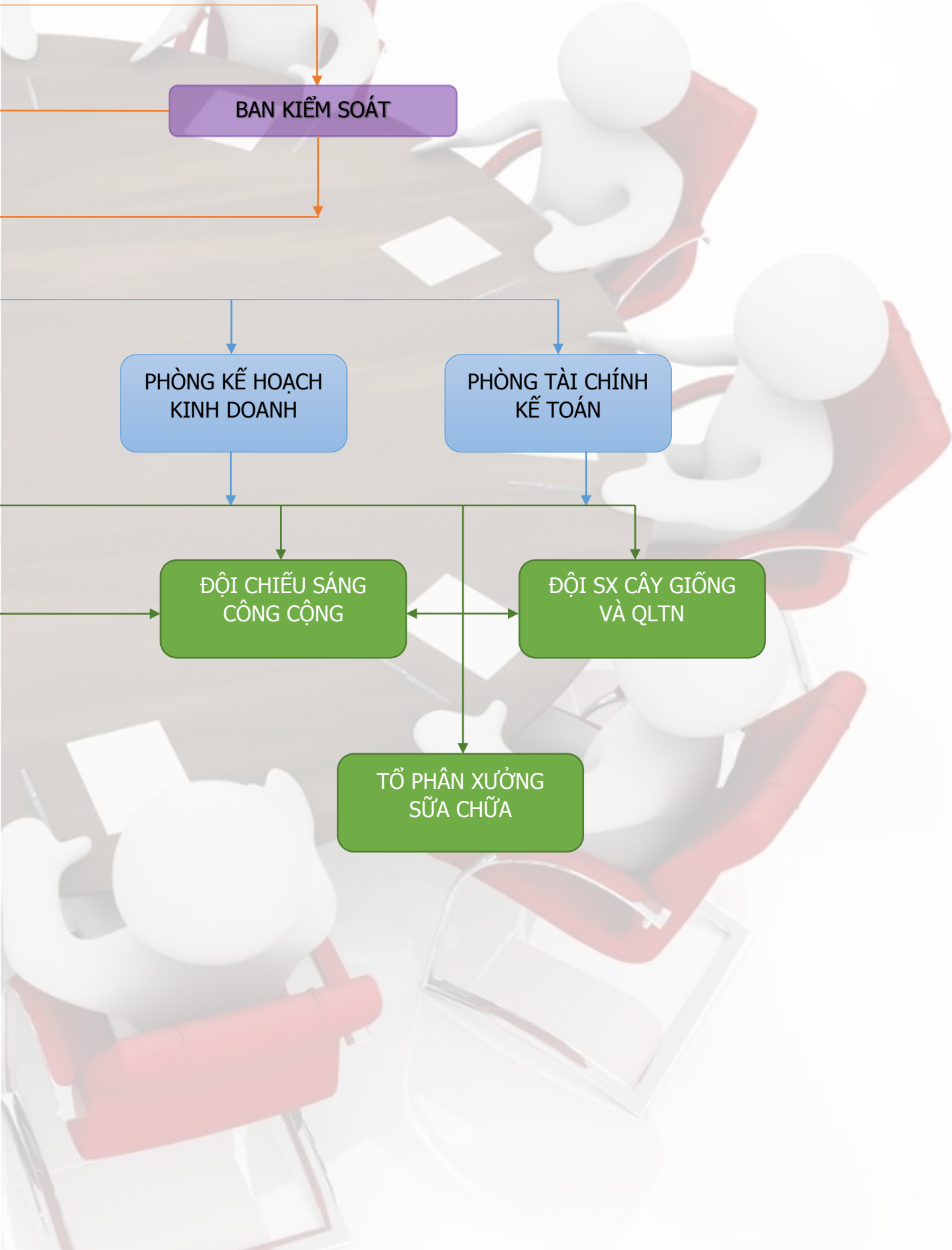
PHÒNG KẾ HOẠCH
KINH DOANH

PHÒNG TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

ĐỘI CHIẾU SÁNG
CÔNG CỘNG

ĐỘI SX CÂY GIỐNG
VÀ QLTN

TỔ PHÂN XƯỞNG
SỬA CHỮA



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao uy tín của Công ty, hướng đến mở rộng địa bàn kinh doanh.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút vốn đầu tư hướng đến xây dựng vẻ đẹp mỹ quan đô thị cho Thành phố nhằm góp phần vào xây dựng hình ảnh thành phố Trà Vinh văn minh, sạch đẹp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo, huấn luyện kỹ năng; tìm kiếm và tuyển dụng những kỹ sư chuyên ngành; chuẩn hóa quy trình làm việc để hỗ trợ cho công nhân viên.

Nâng cao trình độ quản lý, chăm sóc cây xanh - hoa kiểng, điện chiếu sáng, công trình giao thông, cải tiến quy trình xử lý chất thải, đầu tư hệ thống xử lý rác công nghiệp, hệ thống quản lý khách hàng,... bằng phương pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin tiên tiến.

Thu hút các nguồn vốn xã hội, hướng đến tăng vốn điều lệ và mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

5. Các rủi ro



Rủi ro kinh tế

- Năm 2016, nền kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi trong bối cảnh chính trị - xã hội bất ổn ở nhiều khu vực. Ngoài ra, thị trường tài chính Thế giới cũng bị tác động bởi những sự kiện lớn như Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu và cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Những yếu tố này tác động đến tốc độ tăng GDP thế giới (chỉ đạt 2,6%, thấp hơn nhiều chuyên gia dự đoán), ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu.
- Trong nước, nền kinh tế Việt Nam cũng ghi nhận những sự chuyển biến tích cực dù tốc độ tăng trưởng GDP không đạt mục tiêu. Thu nhập bình quân đầu người Việt Nam đạt mức 2.200 USD, trong điều kiện lạm phát được kiểm chế dưới 5%. Thu nhập người dân gia tăng, chất lượng cuộc sống được cải thiện. Điều này là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến hoạt động của ngành dịch vụ công ích nói chung và của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh nói riêng.



Rủi ro đặc thù ngành

- Hiện nay, Nhà Nước đang nỗ lực cải cách ngành dịch vụ công ích tại Việt Nam. Một trong số đó có thể kể đến là những hoạt động khuyến khích các địa phương lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ qua hình thức đấu thầu, nhằm thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Công ty cần thực hiện những chính sách để đầu tư nhân lực, vật lực và củng cố mối quan hệ với khách hàng để đạt được lợi thế cạnh tranh trước những doanh nghiệp mới gia nhập ngành.
- Địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty là Thành phố Trà Vinh, địa phương đã được công nhận đạt chuẩn Đô thị Loại II và là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Trà Vinh. Dù chính quyền Thành phố vẫn đang tập trung cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế, nhưng vẫn chưa đáp ứng tốc độ phát triển của thành phố. Điều này gây khó khăn cho hoạt động thu gom và xử lý rác của Công ty. Ngoài ra, do vị trí địa lý nằm bên bờ sông Tiền và cách cửa biển 40km nên thành phố dễ bị ảnh hưởng bởi hiện tượng xâm nhập mặn, gây khó khăn cho công tác tưới và chăm sóc cây xanh.
- Trong lĩnh vực hoạt động công ích, giá bán sản phẩm dịch vụ chịu sự chi phối, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong khi đó chi phí nhân công, chi phí đầu vào có xu hướng tăng. Điều này sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc tạo ra lợi nhuận mục tiêu trong thời gian tới.

Rủi ro môi trường

- Trong thời gian qua, môi trường là vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm từ dư luận. Sự thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với môi trường chịu sự chỉ trích và quay lưng của cộng đồng, ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của công ty. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích và với mục tiêu mang lại môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho thành phố Trà Vinh, Công ty luôn ý thức được vai trò đối với môi trường, nghiêm chỉnh thực hiện những quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt chú trọng đến hoạt động thu gom xử lý chất thải đúng cách và đúng nơi quy định.
- Việc xử lý rác hiện nay tại Trà Vinh cũng như nhiều địa bàn khác trên cả nước tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường sống của người dân. Thông thường, các đơn vị chịu trách nhiệm xử lý rác sẽ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến một điểm tập trung ở xa khu dân cư. Tuy nhiên, lượng rác thải tại thành phố Trà Vinh có xu hướng tăng nhanh, khiến bãi chứa rác quá tải. Trước thực tế này, Công ty thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành, tìm ra các giải pháp xử lý nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống của người dân.





Rủi ro pháp luật

- Là một công ty đại chúng, hoạt động của TRAVINHPCO chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ Môi trường,... Sắp tới, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cũng sẽ tiến hành lấy ý kiến để sửa đổi, bổ sung Luật Chứng Khoán lần thứ hai.
- Có thể thấy rằng, Chính Phủ cùng với các cơ quan ban ngành đang có những nỗ lực đưa ra những cải cách về mặt pháp luật và chính sách, nhằm tạo ra một hành lang pháp lý chặt chẽ, hỗ trợ và mang đến cho các doanh nghiệp một môi trường đầu tư minh bạch, rõ ràng hơn. Nhận thức điều đó, Công ty luôn chú trọng theo sát những thay đổi này để có thể cập nhật kịp thời các quy định mới, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Rủi ro khác

- Bên cạnh những rủi ro đã kể trên, Công ty còn có nguy cơ đối mặt với những tình huống khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ... Đây đều là những tình huống bất khả kháng, khi xảy ra sẽ để lại hậu quả nặng nề cho Doanh Nghiệp. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn nhằm trang bị kiến thức về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho người lao động. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện bảo hiểm về người và tài sản để hạn chế thiệt hại xảy ra.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

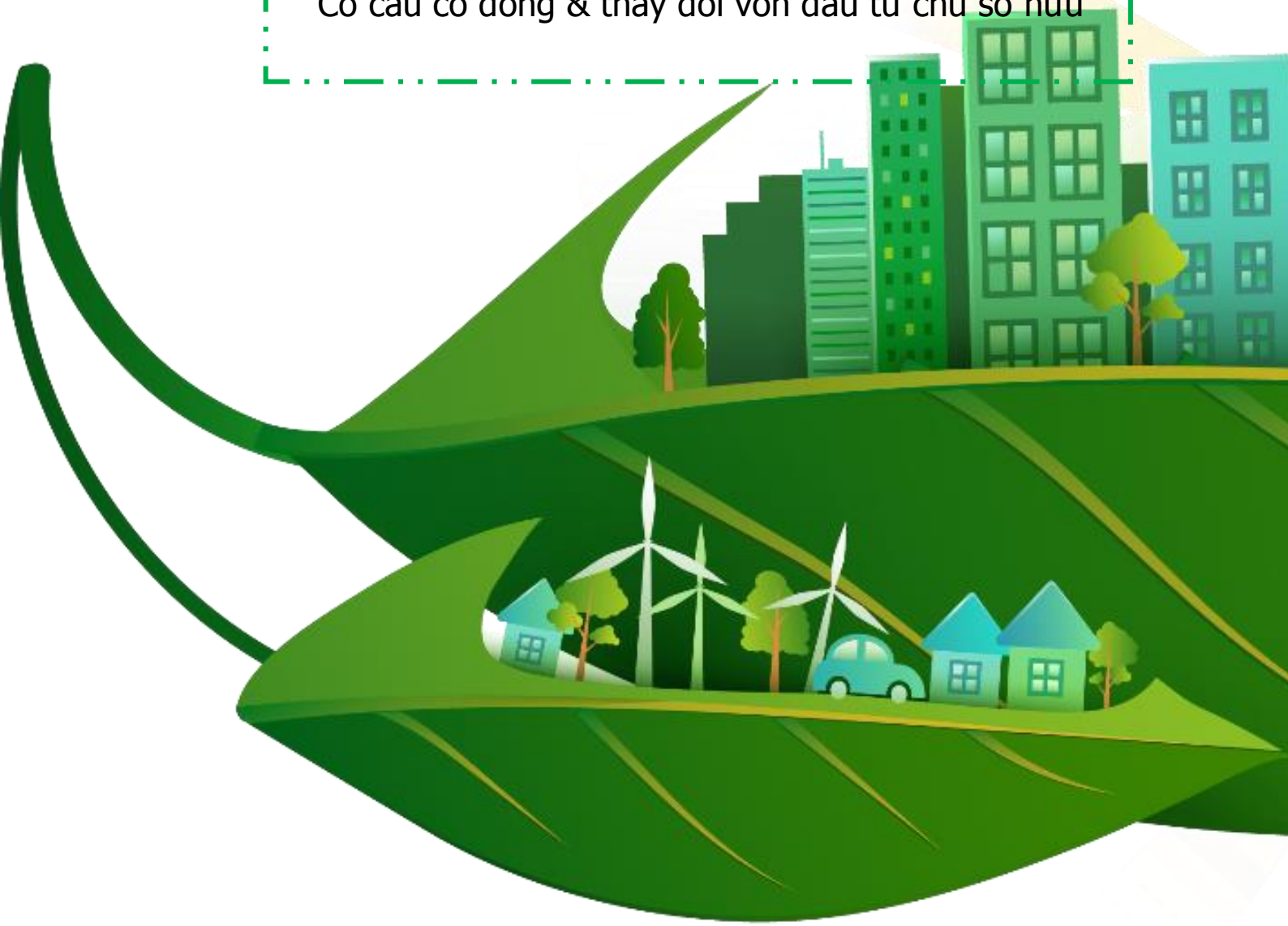
Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông & thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu





1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

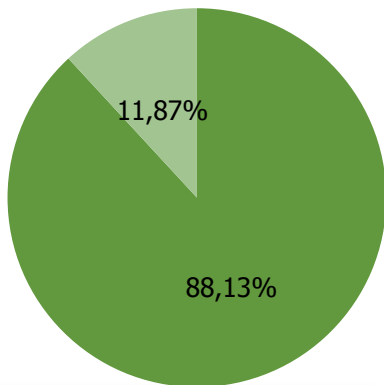
Các chỉ tiêu tài chính năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 09 tháng năm 2016	KH 09 tháng năm 2016	% TH/KH 09 tháng năm 2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	32.695	26.687	24.000	111,20%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.290	3.685	2.640	139,58%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.562	2.942	2.059	142,88

Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

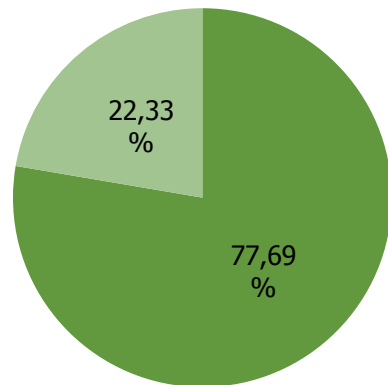
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	09 tháng năm 2016	09 tháng năm 2016/2015
DTT từ hoạt động công ích	Triệu đồng	28.815	20.734	71,96%
DTT từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	3.881	5.959	153,54%
Tổng	Triệu đồng	32.695	26.687	81,62%

2015



- Doanh thu từ hoạt động công ích
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh

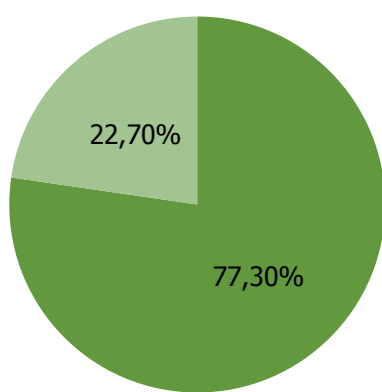
09 tháng năm 2016



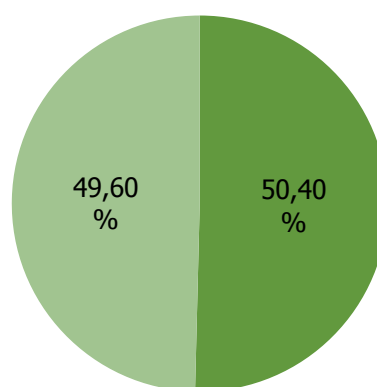
Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	09 tháng năm 2016	09 tháng năm 2016/2015
LN gộp từ hoạt động công ích	Triệu đồng	5.917	3.987	67,38%
LN gộp từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	1.738	3.924	225,78%
Tổng	Triệu đồng	7.655	7.911	103,34%

2015



09 tháng năm 2016



Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, TVU vừa thực hiện công tác cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Năm 2016 là năm đầu tiên TVU hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, thời gian lập báo cáo tài chính từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016. Trong khi đó, số liệu năm 2015 được lũy kế từ 01/01/2015 đến 31/12/2015, vì vậy, số liệu giữa năm 2015 và 2016 không nhất quán, khó có thể thực hiện so sánh sự thay đổi qua các năm.

Cơ cấu doanh thu thuần, Công ty đang có xu hướng dịch chuyển tỷ trọng doanh thu từ hoạt động công ích sang mảng hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần từ hoạt động công ích 09 tháng năm 2016 đạt 20,73 tỷ đồng, bằng 71,96% năm 2015 (28,82 tỷ đồng), tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần giảm từ 88,13% năm 2015 xuống còn 77,69% 09 tháng năm 2016. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh lần lượt là 3,88 tỷ đồng và 5,96 tỷ đồng, bằng 153,54% so với năm 2015, tỷ trọng tăng từ 11,87% năm 2015 lên 22,33% 09 tháng năm 2016.

Vì có sự chuyển dịch tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu thuần, cơ cấu lợi nhuận gộp cũng thay đổi. Lợi nhuận gộp từ hoạt động công ích năm 2015 là 5,92 tỷ đồng, 09 tháng năm 2016 là 3,99 tỷ đồng, chiếm 50,40% trọng lợi nhuận gộp năm 2016. Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh tương ứng là 1,74 tỷ đồng và 3,92 tỷ đồng, bằng 225,78% năm 2015 và chiếm 49,60% trong lợi nhuận gộp 09 tháng năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

Thông tin chi tiết về thành viên ban điều hành

Ông Phạm Hoàng Minh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.	
Ngày sinh	23/11/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế tài chính – ngân hàng.
Quá trình công tác:	
1997 – 1999	Nhân viên hợp đồng công nhật Phòng Quản lý Công sản, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
1999 – 2002	Chuyên viên Phòng Quản lý Công sản, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2002 – 2010	Chuyên viên Phòng Ngân sách, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2011 – 2013	Phó Trưởng phòng Phòng Ngân sách, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2013 – 2014	Phó Trưởng phòng Phòng Tin học – Thống kê, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2014 – 2015	Trưởng phòng Tin học – Thống kê, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2015 – 3/2016	Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
4/2016 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh

Ông Phạm Tấn Lộc – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
Ngày sinh	13/9/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
6/1992 – 3/2000	Kế toán thu – chi ngân sách Phòng tài chính Vg-TX Trà Vinh
4/2000 - 11/2001	Kế toán trưởng Phòng tài chính Vg-TX Trà Vinh
12/2001 – 02/2004	Kế toán tổng hợp Công ty Công trình đô thị Trà Vinh
3/2004 - 3/2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Trà Vinh
4/2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Đô thị Trà Vinh

Bà Nguyễn Thị Hà Duyên – Kế toán trưởng

Ngày sinh 28/01/1982

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán

Từ 2004 – 2010 Kế toán viên Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh

Từ 2011 – 03/2016 Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Trà Vinh

Từ 4/2016 - nay Kế toán trưởng Công ty CP Công trình Đô thị Trà Vinh

Những thay đổi trong ban điều hành

Chính sách nhân sự

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Đại học và trên Đại học	26	11,45%
Cao Đẳng, Trung cấp	01	0,44%
Được đào tạo nghề	39	17,18%
Chưa qua đào tạo	161	70,93%
Tổng cộng	227	100%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	KH Năm 2017
Mức lương bình quân 1 người/tháng	Ngàn đồng	5.318	5.068

Lương và thù lao Hội đồng quản trị 09 tháng năm 2016

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền		Cộng
		Lương	Thù lao	
Phạm Tiết Khoa	Chủ tịch HĐQT	225.000.000	-	225.000.000
Phạm Hoàng Minh	Thành viên HĐQT	-	28.350.000	28.350.000
Phạm Tấn Lộc	Thành viên HĐQT	-	28.350.000	28.350.000
Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	28.350.000	28.350.000
Hồ Văn Trí	Thành viên HĐQT	90.000.000	-	90.000.000
Tổng cộng		315.000.000	85.050.000	400.050.000

Lương Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền lương
1	Phạm Hoàng Minh	Tổng Giám đốc	178.650.000

Người lao động trong Công ty được chi trả lương theo hệ số, dựa vào trình độ, năng lực và mức độ hoàn thành khối lượng công việc được giao. Việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... được Công ty thường xuyên kiểm tra.

Công tác đào tạo nhân sự cũng đặc biệt được chú trọng, chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực sẵn có và triển khai các chính sách khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt cho những cán bộ trẻ.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong công ty còn được hưởng các đãi ngộ với các hình thức như: tổ chức cho người lao động vui chơi văn nghệ, thể thao trong đơn vị chào mừng các ngày lễ lớn...Đồng thời tham gia phong trào thể dục thể thao do các ngành tổ chức như: bóng bàn, bóng đá, chạy việt dã... Tặng quà cho con cán bộ, công nhân lao động Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, tết trung thu số tiền: 18.870.000 đồng.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn năm 2016

Trong năm không có các khoản đầu tư lớn.

Các công ty con

Không có

4. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	09 tháng năm 2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	29.547	23.840	80,69%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	32.695	26.687	81,62%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	3.215	3.491	108,58%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	76	194	255,26%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.290	3.685	112,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.562	2.942	114,83%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	-

Như đã có trình bày ở phần trước, do khoảng thời gian sử dụng để tính số liệu báo cáo tài chính năm 2015 và 2016 là không tương đồng nên việc so sánh số liệu tăng giảm của TVU qua thời gian trên là rất ít ý nghĩa. Thay vào đó, việc phân tích theo chiều dọc có thể sẽ mang lại phần nào giá trị phân tích hơn cho những số liệu giữa hai năm, điều này sẽ được đề cập ở phần tiếp theo, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích xã hội, nên những biến động của nền kinh tế tác động không đáng kể tới lợi nhuận của TVU. Sự ổn định trong doanh thu có sự góp phần không nhỏ của những khách hàng cố định, quen thuộc với các dịch vụ Công ty cung cấp. Phần lớn doanh thu của TVU chịu sự tác động bởi giá thành sản phẩm, giá thành đầu ra của Công ty phụ thuộc vào định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan quản lý Nhà nước ban hành. Năm 2015 là khoảng thời gian TVU thực hiện chuyển mô hình hoạt động kinh doanh từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần cho nên năm này không có số liệu về việc chi trả cổ tức. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 sẽ được Công ty trình thông qua Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp sắp tới.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016 (01/04/2016 đến 31/12/2016)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,01	5,18
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,93	4,93
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	36,23	14,25
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	56,81	16,62
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	26,98	14,79
-	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1,19	1,06
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,84	11,02
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	13,48	15,51
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9,35	11,68
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,83	13,08



Năng lực hoạt động

Năm 2016, Công ty có xu hướng dịch chuyển từ hoạt động công ích sang hoạt động kinh doanh. Vì chi phí đầu vào của hoạt động kinh doanh thấp, nên giá vốn hàng bán trong năm giảm. Chính điều này làm cho vòng quay hàng tồn kho giảm từ 26,98 vòng xuống còn 14,79 vòng, đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

Cơ cấu vốn

Các hoạt động kinh doanh của TVU chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu, lại chưa có các khoản đầu tư lớn, nên Công ty không có khoản mục nợ dài hạn trong năm. Việc hoàn tất chi trả khoản mục phải trả về cổ phần hóa, đồng thời vốn chủ sở hữu giảm không đáng kể trong năm, đã làm cho hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 28,76% còn 14,92%, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 40,37% xuống còn 17,54%.

Khả năng sinh lời

Với chỉ tiêu này, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần có thể cho thấy được ý nghĩa tốt nhất. Bởi lẽ như đã đề cập ở trên, số liệu lũy kế giữa 2 năm không đồng nhất về số tháng trong năm tài chính, cho nên việc so sánh sẽ có hiệu quả hơn khi so sánh những tỷ số thuộc cùng bảng.

Tỷ số lợi nhuận ròng năm 2016 đạt 10,43% so với 7,84% năm 2015 cho thấy sự hiệu quả trong việc quản lý chi phí của Công ty trong thời gian qua, đồng thời sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang mảng hoạt động kinh doanh có chi phí đầu vào thấp hơn làm biên độ lợi nhuận gộp tăng.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2016 đều tăng, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,01 lần năm 2015 lên 5,18 lần năm 2016. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,93 lần lên 4,93 lần.

Nguyên nhân chính là do việc giảm trong khoản mục nợ ngắn hạn từ 9,1 tỷ đồng xuống còn 3,4 tỷ đồng, mà chủ yếu là khoản phải trả về cổ phần hóa 6,5 tỷ đã được Công ty hoàn tất chi trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong năm 2016.

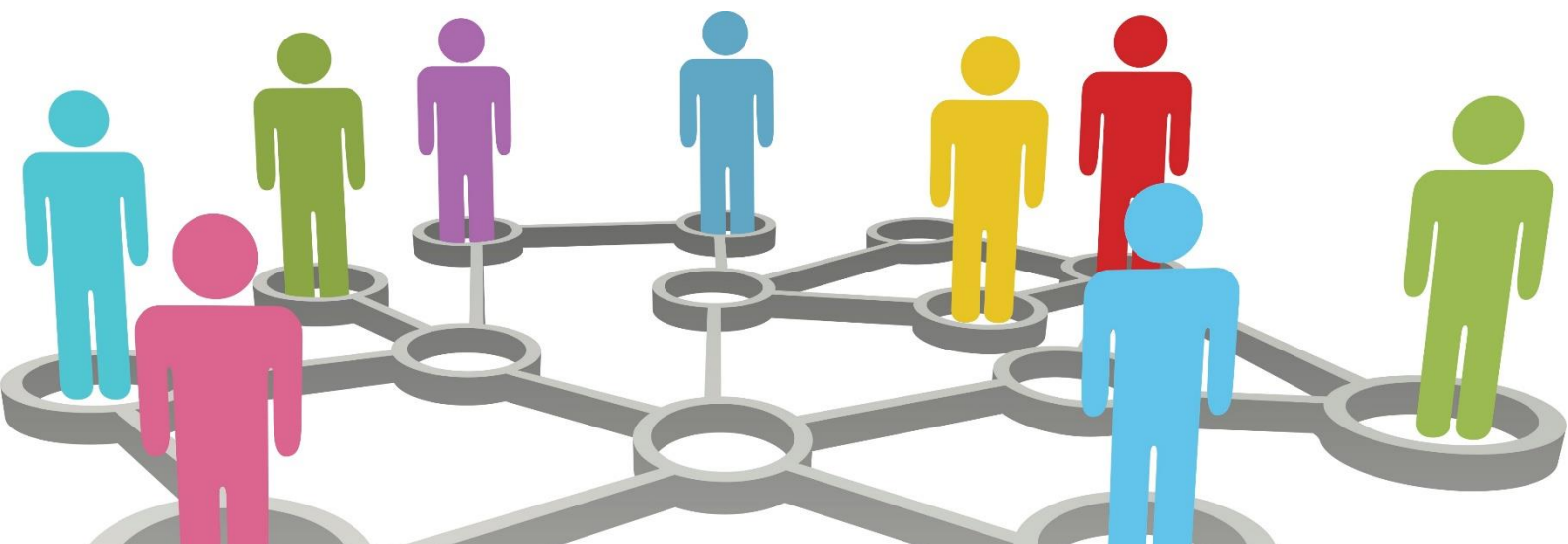


5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Số cổ phiếu đã phát hành: 1.750.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu phổ thông: 1.750.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 271.500 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 1.478.500 cổ phiếu
 - ✓ Cổ đông sáng lập: 1.120.000 cổ phiếu.
 - ✓ Cổ đông chiến lược: 350.000 cổ phiếu.
 - ✓ Người lao động cam kết làm việc lâu dài: 8.500 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/08/2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	170	1.750.000	17.500.000.000	100
	Cổ đông tổ chức	3	1.475.000	14.750.000.000	84,29
	Cổ đông cá nhân	167	275.000	2.750.000.000	15,71
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	170	1.750.000	17.500.000.000	100





Danh sách cổ đông lớn

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ĐKSH	SL CP	Tỷ lệ (%)
1	UBND tỉnh Trà Vinh	52A, Lê Lợi, Phường 1, Tp. Trà Vinh, Trà Vinh		1.120.000	64,00%
2	Cty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	KCN Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	0900272165	350.000	20,00%
Tổng cộng				1.470.000	84,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Công tình Đô thị Trà Vinh được chính thức thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào đầu năm 2016. Do đó, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2016.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay Công ty đang sử dụng ổn định, tiết kiệm các nguyên vật liệu, công cụ lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất các dịch vụ như: phân bón, thuốc trừ sâu, chậu cây cho công trình cây xanh; xăng, dầu cho các phương tiện vận tải.

Công ty chú trọng công tác quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng sử dụng trong hoạt động của Công ty như xăng, dầu, nhớt... Các năng lượng này gây ảnh hưởng không nhỏ đến các vấn đề về môi trường, gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính. TVU luôn chú trọng đến công tác quản lý chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, triển khai chủ trương tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu... Khuyến khích nhân viên đóng góp sáng kiến sử dụng nguồn nhiên liệu hợp lý, có hiệu quả. Chính vì thế, Công ty luôn có chủ trương sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tối đa chi phí các khoản mục này. Tái sử dụng các nguyên vật liệu, công cụ để dùng cho các hoạt động khác nhằm tránh lãng phí, giảm thiểu chi phí cho công ty.

Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước chủ yếu cho các hoạt động về cây xanh, tưới tiêu chăm sóc công trình cây kiểng, xây dựng công trình công ích. Đối mặt với vấn đề ngập mặn vào mùa khô ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nguồn nước sạch sử dụng cho sinh hoạt đang dần ô nhiễm nghiêm trọng, Công ty luôn đề cao tinh thần không lãng phí, hạn chế sử dụng nước không có mục đích. Các nhân viên luôn có ý thức tắt nước sau khi sử dụng, tiết kiệm nước trong nhu cầu sinh hoạt nội bộ Công ty.

Chính sách liên quan đến người lao động

Ngoài những chính sách lương thưởng, quyền lợi được quy định theo Luật Lao động, Công ty luôn có chú trọng đến công tác đào tạo nhân sự. Triển khai các chính sách nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đóng góp vào quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên gắn bó, phát triển bền vững cùng Công ty.

Ngay từ đầu năm Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các tiêu chí thi đua khen thưởng, từng người lao động phải cam kết đăng ký thi đua theo khả năng của mình và hàng tháng họp định kỳ sơ kết hoạt động thi đua có đánh giá xếp loại A,B,C cho từng cá nhân, xây dựng bổ sung và ban hành các tiêu chí thi đua khen thưởng theo loại hình công ty cổ phần làm cơ sở xét thi đua khen thưởng cuối năm. Kết quả xét thi đua khen thưởng năm 2016: 31chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đề nghị 06 trường hợp về tỉnh xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" giai đoạn 2014-2016.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm, Công ty không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

Hoạt động trên địa bàn Trà Vinh, Công ty luôn đem đến dịch vụ công ích tốt nhất, phục vụ cho cộng đồng, triển khai các dự án an sinh xã hội trong khu vực. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo chủ trương và chính sách của Nhà nước, hưởng ứng thực hiện tốt các cuộc vận động Kế hoạch hóa gia đình, xây dựng thành phố xanh, sạch và văn minh.

Ngoài mục tiêu chủ yếu là mang lại lợi nhuận cho Công ty, TVU còn tham gia các hoạt động xã hội khác như: tham gia ủng hộ khu Tưởng niệm Trường sa, ủng hộ mái ấm công đoàn do Liên đoàn Lao động Thành phố phát động. TVU sẵn sàng chia sẻ một phần lợi ích kinh tế của mình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của những trường hợp đặc biệt, cần sự giúp đỡ.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện nay Công ty chưa có hoạt động nào liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh, tuy nhiên nếu nhận được chỉ thị của UBCKNN Công ty sẽ tích cực tham gia.

03

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến của Công ty





1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực công ích, môi trường đô thị, Công ty đã có những phần đầu và phát triển ổn định. Qua nhiều năm kinh nghiệm, Công ty luôn có những chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo chỗ đứng vững chắc trong ngành công trình đô thị, cũng như sự tín nhiệm của khách hàng trong thành phố và các vùng lân cận.

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, TVU đã thực hiện nghiêm túc các quy định mà một công ty cổ phần cần phải đáp ứng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn diễn ra ổn định. Cụ thể:

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016 (01/04- 31/12)	KH 2016 (01/04- 31/12)	% TH 2016/TH 2015	% TH/KH 2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	32.695	26.687	24.000	81,62	111,20
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.290	3.685	2.640	112,01	139,58
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.562	2.942	2.059	114,83	142,88

Doanh thu thuần 09 tháng năm 2016 đạt 26,69 tỷ đồng bằng 81,62% doanh thu thuần năm 2015. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế bằng 114,83% năm 2015, đạt 2,94 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm từ 76,59% năm 2015 xuống còn 70,38%.

09 tháng năm 2016, cơ cấu doanh thu thuần có sự thay đổi khi tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh tăng cao hơn năm trước (11,87% năm 2015 và 22,31% 09 tháng năm 2016). Hoạt động kinh doanh TVU chủ yếu là việc cung cấp dịch vụ trồng cây tại các cơ quan ban ngành trong thành phố Trà Vinh, dịch vụ thu gom rác tại các địa phương lân cận. Hoạt động này có tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần thấp hơn hoạt động công ích (trong 09 tháng năm 2016 tỷ lệ này tương ứng là 34,14% và 80,77%). Điều này làm giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần 09 tháng năm 2016 thấp hơn năm 2015, từ đó làm tăng lợi nhuận Công ty 09 tháng năm 2016.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Nâng cao vị thế, hình ảnh của công ty trong hoạt động dịch vụ và thi công công trình công cộng.

Ổn định, hoàn thiện bộ máy hoạt động của Công ty sau khi đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với quy định mới của pháp luật và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiến hành lưu ký chứng khoán và đưa cổ phiếu của công ty vào giao dịch trên thị trường UPCOM vào ngày 09/11/2016.

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như: bảo hiểm xã hội, tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ, tay nghề của công nhân.



Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, Thành ủy, UBND Thành phố, các ban ngành Tỉnh và Thành phố hỗ trợ tạo điều kiện là nguồn động viên cho người lao động trong Đơn vị nỗ lực làm việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ban lãnh đạo tạo được sự đoàn kết gắn bó trong nội bộ, từ đó người lao động có niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, là động lực giúp người lao động an tâm công tác góp sức mình vào công việc thực hiện nhiệm vụ chung. Ban lãnh đạo luôn quan tâm đến định hướng lâu dài: thường xuyên kiện toàn bộ máy tổ chức để phát huy cao nhất năng lực của từng thành viên.

Khó khăn

Công tác vệ sinh môi trường: Công ty thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn như: giao thông không thuận lợi, mức thu thấp, đối tượng tham gia ít, công trình thoát nước đô thị làm tăng khối lượng cát trên mặt đường ảnh hưởng đáng kể đến vệ sinh đô thị,... Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, đấu thầu theo giá hoặc phí do Nhà nước quy định, nên đơn giá thực hiện theo khung quy định của các cơ quan ban ngành, không theo kịp với sự biến động của giá cả thị trường.

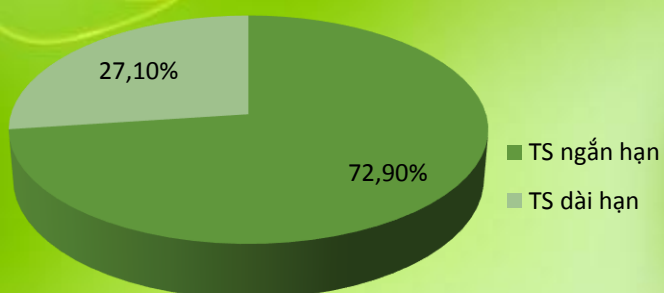
Công tác phối kết hợp tuyên truyền giáo dục ý thức của người dân giữ gìn vệ sinh môi trường ở những nơi công cộng còn hạn chế.

2. Tình hình tài chính

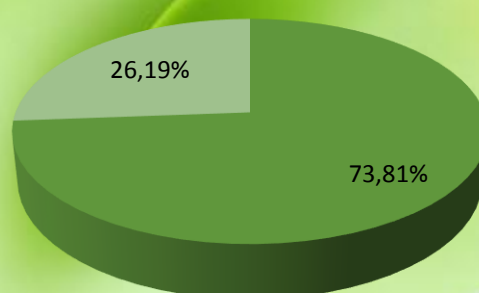
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016	% 2016/ 2015
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	21.540	17.596	81,69
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	8.008	6.244	77,97
Tổng tài sản	Triệu đồng	29.547	23.840	80,69

31/12/2015



31/12/2016



Nhìn chung tổng tài sản năm 2016 giảm nhẹ so với năm 2015, giảm từ 26,56 tỷ đồng xuống còn 23,84 tỷ đồng, tương ứng 10,23%.

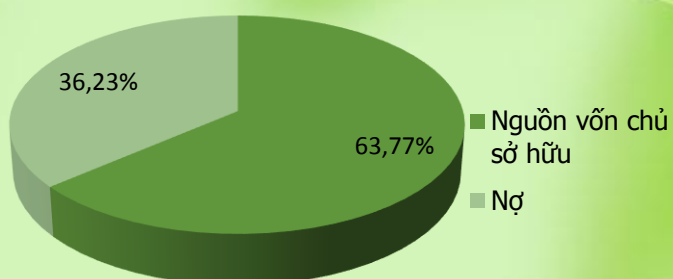
Tổng tài sản tại ngày 31/12/2016 là 23,84 tỷ đồng, đạt 81,69% tại ngày 31/12/2015. Tổng tài sản của Công ty giảm do Công ty đã tiến hành đánh giá lại tài sản để chuyển đổi sang mô hình cổ phần.

Xét về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, 72,91% năm 2015 và 73,81% năm 2016.

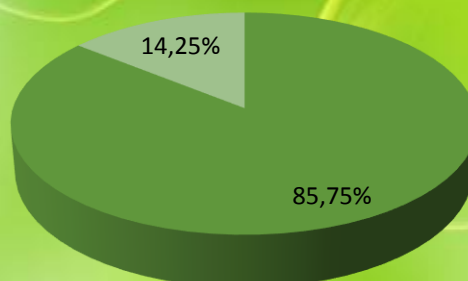
Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016	% 2016/ 2015
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	10.704	3.398	31,75
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	18.843	20.442	108,49
Tổng cộng	Triệu đồng	29.547	23.840	80,69

31/12/2015



31/12/2016



Vì chưa có kế hoạch đầu tư lớn nên Công ty không sử dụng nợ dài hạn trong cơ cấu vốn của mình. Nợ ngắn hạn giảm từ 10,70 tỷ đồng xuống còn 3,4 tỷ đồng do giảm trong khoản mục phải trả về cổ phần hóa (6,51 tỷ đồng).

Công ty chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình (87,75% năm 2016). Điều này làm giảm nguy cơ rủi ro tài chính cho Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Là năm đầu tiên hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đã thay đổi cách thức hoạt động và tổ chức sao cho phù hợp với mô hình mới. Ban lãnh đạo luôn kiểm tra, đánh giá hoạt động của các phòng ban chức năng để đưa ra những chính sách đúng đắn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lao động, phát huy thế mạnh tối đa, phù hợp với từng cá nhân. Linh hoạt trong việc điều động nhân sự, phân công đúng người đúng việc trong quá trình hoạt động.

Công ty luôn chú trọng đào tạo nguồn lực sẵn có, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của cán bộ - công nhân viên. Tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tạo điều kiện giao lưu, gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

Khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, góp phần mang lại lợi ích về kinh tế hoặc góp phần nâng cao hiệu quả công việc của bộ phận, nâng cao uy tín, hình ảnh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2017, khả năng tăng trưởng của thị trường Việt Nam được nhiều chuyên gia tài chính và các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao. Những nhà đầu tư nước ngoài thông qua các hoạt động tài chính rót vốn vào thị trường phát triển như Việt Nam. Trước những tín hiệu khả quan đó, kinh tế của Việt Nam năm 2017 được mong đợi sẽ có những tăng trưởng đáng mừng.

Bên cạnh đó, khi nền kinh tế phát triển, mức sống người dân ngày càng được nâng cao, sự đòi hỏi về các dịch vụ công cộng hiện đại, môi trường sạch đẹp, nơi nghỉ dưỡng an bình trở thành nhu cầu không thể thiếu của mỗi người. Từ đó sẽ dẫn đến sự phát triển của các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó có TRAVINHPCO.

Gần 20 năm hoạt động trong ngành , TVU đã có những kinh nghiệm, lợi thế nhất định đồng thời nhận sự quan tâm, ủng hộ từ các ban ngành, đoàn thể. Chính những yếu tố này là nền tảng để Công ty đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.



Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự phát triển trong chất lượng môi trường sống và điều kiện an sinh xã hội là điều mà mỗi quốc gia đều quan tâm. Trong những năm qua, tỉnh nhà Trà Vinh đã có những bước phát triển khá mạnh mẽ, đời sống của người dân được nâng cao kèm theo là những yêu cầu thiết yếu về môi trường cũng tăng theo. Chính vì thế TRAVINHPCO chủ động nghiên cứu, đưa ra những kế hoạch chuẩn bị nhằm đáp ứng cho những nhu cầu về chất lẫn về lượng trong giai đoạn sắp tới.

Cải thiện, mua mới các phương tiện kỹ thuật, máy móc thiết bị cho hoạt động dịch vụ công cộng và thi công công trình.

Phấn đấu đạt được những chỉ tiêu lợi nhuận, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xây dựng, củng cố hình ảnh của công ty trong cái nhìn của cộng đồng. Đóng góp, chia sẻ một phần lợi nhuận của công ty vào các hoạt động vì cộng đồng, xã hội.

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn, là nơi cán bộ công nhân viên mong muốn gắn bó lâu dài, học tập và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.



Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và tình hình thực tế của Công ty, TVU đề ra kế hoạch năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2017	TH 2016 (01/04-31/12)
1	Doanh thu	Triệu đồng	28.000	26.687
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.800	3.685
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.040	2.942

Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch đề ra:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức lao động cho từng loại công việc trong Công ty song song với kiện toàn cơ cấu tổ chức ngày càng tinh gọn và làm việc có hiệu quả, năng suất.

Đẩy mạnh đầu tư và hiện đại hoá các loại máy móc thiết bị làm việc, phương tiện vận chuyển rác và xe cần trục, xe tưới nước trong công tác bảo dưỡng cây xanh cổ thụ,... nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp như: tài chính, lao động tiền lương, nguyên vật liệu, giá thành sản phẩm dịch vụ, tìm kiếm thị trường, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trong tham gia cung ứng dịch vụ công ích và đấu thầu thi công các công trình, dự án trên địa bàn.

Xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định có liên quan đến công tác quản lý điều hành của công ty phù hợp với loại hình hoạt động của công ty cổ phần.

Tiếp tục xây dựng thương hiệu "Công ty đô thị Trà Vinh" là một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường trong tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Là một trong những công ty dẫn đầu về lĩnh vực dịch vụ công ích về môi trường, Công ty ý thức được việc giữ gìn môi trường xanh - sạch – đẹp, không khí trong lành cho xã hội. bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, Công ty luôn quan tâm đến các công tác nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra các giải pháp, các hoạt động góp phần giữ môi trường trong xanh, tạo môi trường sống thân thiện cho người dân trong khu vực tỉnh nhà.

Người lao động là thành phần quan trọng không thể thiếu trong quyết định sự phát triển sự nghiệp thành công, bền vững của Công ty. Vì vậy Công ty luôn đưa ra các chính sách, thay đổi phù hợp có liên quan đến người lao động, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ công nhân viên tại TRAVINHPCO có đời sống tinh thần lẫn thể chất tốt nhất để cùng Công ty phát triển ngày một mạnh hơn.



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Kế hoạch & định hướng



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- 9 tháng đầu năm 2016 là những tháng đầu tiên của TVU hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Tuy mới đi vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình điều hành, quản lý công ty, cũng như tuân thủ các quy định pháp luật về thị trường chứng khoán nhưng Công ty đã thích ứng khá tốt với mô hình hoạt động mới, hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong năm.
- Công ty có những chính sách phù hợp, quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, tạo thêm nhiều điều kiện để người lao động nâng cao trình độ của bản thân nhằm phát huy tối đa năng lực cho mục tiêu của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Là năm đầu tiên hoạt động với mô hình mới, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng hết mình trong quá trình quản lý Công ty. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo là những người có chuyên môn, giàu năng lực và kinh nghiệm nên luôn có những quyết định đúng đắn, phù hợp với các hoạt động, nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.
- Ban điều hành đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng, nhanh chóng đề ra các chính sách, thay đổi thích hợp để ngăn ngừa các rủi ro xảy đến. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban, tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý. Ban hành các quy chế như là quy chế trả lương, quy chế chi tiêu nội bộ....phù hợp với quy định mới của pháp luật và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Công ty đang từng bước ổn định và đi vào hoạt động.



3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững thương hiệu địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả thương hiệu, đầu tư thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu.
- Cùng với sự phát triển bền vững và tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam cũng như tỉnh Trà Vinh trong tương lai là nhu cầu phát triển về chất lượng môi trường sống và điều kiện an ninh xã hội, Công ty cần có kế hoạch đề ra những chiến lược phát triển, nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất lẫn tinh thần trong thời gian tới.
- Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu và các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán



1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017 (từ trang 07 đến trang 29) của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0851-2013-071-1



Ths. Đào Vũ Thiên Long – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1739-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.595.882.926	19.053.849.548
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	6.036.897.028	5.806.333.114
111	1. Tiền		2.033.313.695	5.806.333.114
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.003.583.333	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	2.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.694.159.462	11.560.295.263
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	8.336.419.525	10.734.822.224
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	88.088.261	52.986.632
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	377.258.900	772.486.407
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(107.607.224)	-
140	IV. Hàng tồn kho		859.830.976	1.680.388.864
141	1. Hàng tồn kho	V.7	859.830.976	1.680.388.864
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.995.460	6.832.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.894.165	1.083.331
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	101.295	5.748.976
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		6.244.225.325	7.503.930.426
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		5.973.852.216	7.029.355.983
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	5.973.852.216	7.029.355.983
222	- Nguyên giá		15.468.478.154	15.137.974.033
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.494.625.938)	(8.108.618.050)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.240.000	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	6.240.000	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		264.133.109	474.574.443
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	264.133.109	474.574.443
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.840.108.251	26.557.779.974

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		3.397.705.029	9.057.779.974
310	I. Nợ ngắn hạn		3.397.705.029	9.057.779.974
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		609.500	92.409.500
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.540.823.499	793.373.645
314	4. Phải trả người lao động	V.12	645.951.001	633.889.420
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	59.218.204	6.910.097.123
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.14	799.500.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	351.602.825	628.010.286
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.442.403.222	17.500.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	20.442.403.222	17.500.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		17.500.000.000	17.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.942.403.222	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.942.403.222	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.840.108.251	26.557.779.974

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN



PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	26.692.596.348	7.676.184.207
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		5.454.545	272.727
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.687.141.803	7.675.911.480
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	18.781.256.186	5.714.621.791
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.905.885.617	1.961.289.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	191.480.610	7.402.310
22	7. Chi phí tài chính		388.352	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		388.352	-
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.926.000	16.808.647
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	4.604.412.267	1.343.426.185
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.490.639.608	608.457.167
31	11. Thu nhập khác	VI.6	205.463.709	-
32	12. Chi phí khác		10.969.078	600.000
40	13. Lợi nhuận khác		194.494.631	(600.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.685.134.239	607.857.167
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	742.731.017	135.241.079
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.942.403.222	472.616.088
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8a	1.681	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8b	1.681	-

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu

(Signature)

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng

(Signature)

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Tổng Giám đốc



PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		34.707.937.559	6.460.543.694
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(7.506.961.926)	(2.383.704.674)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(10.589.384.312)	(6.745.065.944)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(388.352)	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(667.255.725)	(423.274.825)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		184.653.257	970.543.519
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.607.643.898)	(2.623.105.975)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.520.956.603	(4.744.064.205)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(677.169.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		260.469.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(2.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.675.045	7.402.310
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.343.024.864)	7.402.310
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	51.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(281.391.570)	(51.000.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(665.976.255)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(947.367.825)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		230.563.914	(4.736.661.895)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.806.333.114	10.542.995.009
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	6.036.897.028	5.806.333.114

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Duyên

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà Duyên

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Minh

PHẠM HOÀNG MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý, sử dụng các công trình công cộng, chăm sóc, quản lý cây xanh, điện chiếu sáng và xây dựng, sửa chữa các công trình dân dụng, khai thác và vận chuyển cát san lấp...

3. Ngành nghề kinh doanh

▪ Hoạt động công ích:

Quản lý và khai thác sử dụng các công trình công cộng: điện chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh, quản lý khu nghĩa địa tập trung, mai táng, hỏa táng...

▪ Hoạt động kinh doanh:

- Sửa chữa các công trình công cộng và dân dụng, thiết kế và thi công các tiểu đảo, công viên cây xanh đô thị...
- Kinh doanh vật tư, sản xuất và cung ứng giống cây xanh, hoa kiểng...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 30 tháng 03 năm 2016 Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Trà Vinh chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp về việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2016.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 210 công nhân viên đang làm việc (Tại ngày 01 tháng 04 năm 2016 là 224 công nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Niên độ kế toán tiếp theo từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá trên nguyên tắc giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	03 năm

8. Nguyên tắc chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản Công ty có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn góp của chủ sở hữu: là số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí

trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần;

- Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.
- Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của Kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của Kỳ trước;

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động công ích và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích người mua và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu xây dựng:

- Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành đối với các hạng mục nghiệm thu theo từng lần hoặc quyết toán công trình đưa vào sử dụng.
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

- Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:
 - (a) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
 - (b) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể.
 - (c) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu trong năm bao gồm các giảm giá hàng bán

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Chi phí tài chính ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất 22%).

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập

doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Số liệu so sánh

- Trình bày lại một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán phù hợp quyết định xác định giá trị doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
- Phải trả ngắn hạn khác	319	5.962.729.298	947.367.825	6.910.097.123
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	155.121.471	472.888.815	628.010.286
- Vốn góp của chủ sở hữu	411	17.781.391.570	(281.391.570)	17.500.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.138.865.070	(1.138.865.070)	-

- Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 03 năm 2016 (3 tháng) vì có sự chênh lệch về niên độ nên chỉ có giá trị tham khảo, không phải là số liệu so sánh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	247.004.974	81.777.899
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.786.308.721	5.724.555.215
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền ^(*)	4.003.583.333	-
Cộng	6.036.897.028	5.806.333.114

^(*)Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	Kỳ hạn gửi	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Trà Vinh	12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Cộng		2.000.000.000	2.000.000.000	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	8.336.419.525	10.734.822.224
UBND Thành phố Trà Vinh	7.470.238.925	10.312.106.224
Các khách hàng khác	866.180.600	422.716.000
Cộng	8.336.419.525	10.734.822.224

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	88.088.261	52.986.632
Công ty TNHH Đông Mỹ	37.986.624	40.986.624
Các nhà cung cấp khác	50.101.637	12.000.008
Cộng	88.088.261	52.986.632

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	377.258.900		772.486.407	
Tổ thu phí VS thuộc UBND các phường, xã	171.827.135	-	227.850.150	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	205.431.765	-	544.636.257	-
Cộng	377.258.900	-	772.486.407	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	40.527.000	28.368.900	-	-
- Công ty TNHH XD Vạn Thành	40.527.000	28.368.900	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	6.925.000	6.925.000	-	-
- Phòng Quản lý đô thị TXTV	3.249.000	3.249.000	-	-
- Sở LĐT BXH Trà Vinh	3.676.000	3.676.000	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	91.986.624	-	-	-
- Phòng tài chính kế hoạch TP Trà Vinh	54.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đông Mỹ	37.986.624	-	-	-
Cộng	139.438.624	35.293.900	-	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Số đầu năm	-	-
Trích lập trong kỳ	107.607.224	-
Số dư cuối năm	107.607.224	-

(*) Thời gian quá hạn phải lập dự phòng là kế thừa từ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Trà Vinh chuyển sang khi Công ty cổ phần kế thừa quyền và nghĩa vụ này.

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi theo đối tượng:

	<u>Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016</u>
Phòng tài chính kế hoạch TP Trà Vinh	54.000.000	-
Công ty TNHH Đông Mỹ	37.986.624	-
Công ty TNHH XD Vạn Thành	12.158.100	-
Sở LĐTBXH Trà Vinh	1.838.000	-
Phòng Quản lý đô thị TXTV	1.624.500	-
Cộng	<u>107.607.224</u>	<u>-</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	354.961.888	-	541.676.186	-
Công cụ, dụng cụ	51.771.761	-	121.312.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	453.097.327	-	1.017.400.472	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	<u>859.830.976</u>	<u>-</u>	<u>1.680.388.864</u>	<u>-</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	<u>Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016</u>
Số đầu năm	1.083.331	1.733.536
Phát sinh trong kỳ	64.410.000	-
Phân bổ trong kỳ	(60.599.166)	(650.205)
Số cuối năm	<u>4.894.165</u>	<u>1.083.331</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	264.133.109	474.574.443
Cộng	<u>264.133.109</u>	<u>474.574.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Số đầu năm	474.574.443	442.046.805
Phát sinh trong kỳ	134.810.000	118.008.000
Phân bổ trong kỳ	(345.251.334)	(85.480.362)
Số cuối năm	264.133.109	474.574.443

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.181.400.461	426.500.000	13.415.773.572	114.300.000	15.137.974.033
Tăng trong kỳ	-	-	670.929.000	-	670.929.000
- Mua mới	-	-	670.929.000	-	-
Giảm trong kỳ	(286.516.879)	-	(53.908.000)	-	(340.424.879)
- Thanh lý	(286.516.879)	-	(53.908.000)	-	(340.424.879)
Số cuối năm	894.883.582	426.500.000	14.032.794.572	114.300.000	15.468.478.154
Trong đó:					
TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	155.795.700	350.000.000	854.642.600	114.278.461	1.474.716.761
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	608.565.772	403.125.000	6.986.027.297	110.899.981	8.108.618.050
Tăng trong kỳ	173.905.844	19.125.000	1.410.641.407	3.378.480	1.607.050.731
Khấu hao trong kỳ	173.905.844	19.125.000	1.410.641.407	3.378.480	1.607.050.731
Giảm trong kỳ	(167.134.843)	-	(53.908.000)	-	(221.042.843)
- Thanh lý	(167.134.843)	-	(53.908.000)	-	(221.042.843)
Số cuối năm	615.336.773	422.250.000	8.342.760.704	114.278.461	9.494.625.938
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	572.834.689	23.375.000	6.429.746.275	3.400.019	7.029.355.983
Số cuối năm	279.546.809	4.250.000	5.690.033.868	21.539	5.973.852.216

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư xây dựng hàng rào vườn ươm mới của công ty.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
- Thuế giá trị gia tăng	389.376.166	-	1.681.225.563	(1.029.538.675)	1.041.063.054	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.241.079	-	742.731.017	(667.255.725)	210.716.371	-
- Thuế thu nhập cá nhân (từ tiền lương, tiền công)	-	5.647.681	27.222.463	(15.252.608)	6.322.174	-
- Thuế tài nguyên (*)	-	101.295	-	-	-	101.295
- Các khoản phí, lệ phí	268.756.400	-	2.026.762.100	(2.012.796.600)	282.721.900	-
CỘNG	793.373.645	5.748.976	4.477.941.143	(3.724.843.608)	1.540.823.499	101.295

(*) là khoản phải thu thuế tài nguyên năm trước của hoạt động khai thác cát, năm nay không phát sinh thuế tài nguyên do năm nay hoạt động khai thác cát không còn hoạt động.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ bán ra trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

Công ty trích quỹ lương của người lao động theo Quyết định số 33/QĐ-CTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2016 về việc trích lập quỹ lương được xác định trên cơ sở số ngày công lao động thực tế và mức tiền lương bình quân thực hiện năm.

13. Phải trả khác**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	59.218.204	6.910.097.123
Tổ thu phí vệ sinh (15% tiền phí VS được giữ lại)	35.488.204	35.488.204
Ủy ban Nhân dân Tp. Trà Vinh (tiền bán đất tại Nghĩa địa Diệp Thạch)	23.730.000	6.660.000
Phải trả về cổ phần hóa	-	6.514.704.625
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	353.244.294
Cộng	59.218.204	6.910.097.123

13b. Phải trả khác quá hạn

Công ty không phát sinh phải trả khác quá hạn.

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	799.500.000
Số hoàn nhập	-
Số cuối năm	799.500.000

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	350.934.609	-	(195.018.461)	155.916.148
Quỹ phúc lợi	203.082.216	-	(81.389.000)	121.693.216
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	73.993.461	-	-	73.993.461
Cộng	628.010.286	-	(276.407.461)	351.602.825

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3
Số dư đầu năm trước	17.781.391.570	1.061.862.842	18.843.254.412
- Tăng trong năm trước	-	472.888.815	472.888.815
- Giảm trong năm trước	-	(395.886.587)	(395.886.587)
Số dư cuối năm trước	17.781.391.570	1.138.865.070	18.920.256.640
Điều chỉnh chuyển đổi Công ty Cổ phần	(281.391.570)	(1.138.865.070)	(1.420.256.640)
Số dư đầu năm nay	17.500.000.000	-	17.500.000.000
- Tăng trong năm	-	2.942.403.222	2.942.403.222
- Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm nay	17.500.000.000	2.942.403.222	20.442.403.222

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết nguồn vốn	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn cổ đông Nhà nước	64,00%	11.200.000.000	-
- Vốn cổ đông khác	36,00%	6.300.000.000	-
Cộng	100,00%	17.500.000.000	-

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Vốn theo Giấy CNĐKKD	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
- Vốn cổ đông Nhà nước	11.200.000.000	11.200.000.000	-
- Vốn cổ đông khác	6.300.000.000	6.300.000.000	-
Cộng	17.500.000.000	17.500.000.000	-

16c. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.750.000	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.750.000</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	1.750.000	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.750.000</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.750.000	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.750.000</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	-

16d. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
 - + Bỏ sung vốn điều lệ cho Công ty;
 - + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để:*
 - + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
 - + Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
 - + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
 - + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - + Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
 - + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

16e. Phân phối lợi nhuận

Số đầu năm	-
Tăng từ hoạt động kinh doanh	2.942.403.222
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	<u>2.942.403.222</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016</u>
- Hoạt động công ích	20.733.640.894	7.562.315.115
- Hoạt động kinh doanh	5.958.955.454	113.869.092
Cộng	<u>26.692.596.348</u>	<u>7.676.184.207</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016</u>
- Hoạt động công ích	16.746.685.457	5.703.642.230
- Hoạt động kinh doanh	2.034.570.729	10.979.561
Cộng	<u>18.781.256.186</u>	<u>5.714.621.791</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

4. Chi phí bán hàng

Là chi phí hoa hồng môi giới.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.484.065.787	768.510.897
- Chi phí đồ dùng văn phòng	261.144.463	51.396.318
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.808.671	52.202.887
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	107.607.224	-
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	799.500.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.236.167	241.464.333
- Chi phí bằng tiền khác	188.049.955	226.851.750
Cộng	<u>4.604.412.267</u>	<u>1.343.426.185</u>

6. Thu nhập khác

Chủ yếu là thu nhập từ thanh lý tài sản cố định.

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.685.134.239	608.129.894
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	28.520.847	68.075.500
<i>+ Các khoản chi không được trừ (tiền mua lịch)</i>	28.520.847	68.075.500
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.713.655.086	676.205.394
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	3.713.655.086	676.205.394
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	742.731.017	135.241.079
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	742.731.017	135.241.079

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty	2.942.403.222	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.942.403.222	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.750.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.681	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.750.000	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.750.000	-
8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.942.403.222	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.942.403.222	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.750.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.681	-

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.742.140.806	1.520.428.903
- Chi phí nhân công	14.570.402.144	4.912.346.200
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.609.438.371	536.323.800
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.728.911.236	437.419.761
- Chi phí khác	200.003.028	437.419.761
Cộng	21.850.895.585	7.843.938.425

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không có Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
- Tiền lương	1.737.374.615	371.826.635
- Tiền thưởng	130.999.620	43.666.540
- Cổ tức	-	-
Cộng	1.868.374.235	415.493.175

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Báo cáo bộ phận

2a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động công ích	Hoạt động kinh doanh	Tổng
Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	20.733.640.894	5.953.500.909	26.687.141.803
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán	16.746.685.457	2.034.570.729	18.781.256.186
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.986.955.437	3.918.930.180	7.905.885.617
Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.562.315.115	113.869.092	7.676.184.207
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán	5.703.642.230	10.979.561	5.714.621.791
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.858.672.885	102.889.531	1.961.562.416

2b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nhận thấy rằng không có dấu hiệu nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

PHẠM HOÀNG MINH

Trà Vinh, ngày 14 tháng 04 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phạm Tiết Khoa